TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN- TNHH MTV
CÔNG TY TNHH MTV XNK NÔNG LÂM HẢI SẢN

HỒ SƠ YÊU CẦU DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN

ÁP DỤNG PHƯƠNG THỨC MỘT GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ

HỒ SƠ YÊU CẦU

Số hiệu gói thầu: 01

Tên gói thầu: Cung cấp dịch vụ bảo hiểm sức khỏe năm 2022

Dự án: Cung cấp dịch vụ bảo hiểm sức khỏe năm 2022

Phát hành ngày: 06/12/2021

Ban hành kèm theo Quyết định: 302/QĐ-AGR-HC

Bên mời thầu
[ghi tên, đóng dấu]
Giám đốc

M.S.D.N: 0311207864 C.T.N.H.H. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM HẢI SẢN Q.BÌNH THẠNH - T.P HỒ CHÍ MINH

Hà Quốc Cường

TP. Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC

Từ ngữ viết tắt

Phần thứ nhất. Thủ tục đấu thầu

Chương I. Yêu cầu về thủ tục chỉ định thầu

Chương II. Tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất

Chương III. Biểu mẫu dự thầu

Mẫu số 1. Đơn dự thầu

Mẫu số 2. Giấy ủy quyền

Mẫu số 5. Bảng tổng hợp giá dự thầu *(áp dụng đối với hợp đồng trọn gói)*

Mẫu số 6. Bảng kê khai thông tin về nhà thầu

Mẫu số 7. Danh sách các công ty đảm nhận phần công việc của gói thầu

Mẫu số 8. Hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ

Mẫu số 13. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện

Phần thứ hai. Yêu cầu về phạm vi cung cấp

Chương IV. Yêu cầu về phạm vi cung cấp

Phần thứ ba. Điều kiện hợp đồng và biểu mẫu hợp đồng

Chương V. Biểu mẫu hợp đồng

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội
Nghị định 63/2014/NĐ-CP	Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSĐX	Hồ sơ dự thầu
ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
VND	đồng Việt Nam

Phần thứ nhất. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

A. TỔNG QUÁT

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1.1. Bên mời thầu quy định tại **BDL** phát hành bộ HSYC này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn được mô tả trong Phần thứ hai - Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

1.2. Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại **BDL**.

Mục 2. Nguồn vốn

Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu được quy định tại **BDL**.

Mục 3. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

Hành vi bị cấm trong đấu thầu là hành vi quy định tại Điều 89 Luật đấu thầu.

Mục 4. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

4.1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp.

4.2. Hạch toán tài chính độc lập.

4.3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

4.4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại Điều 6 Luật Đấu thầu và Điều 2 Nghị định 63/2014/NĐ-CP.

4.5. Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

4.6. Đã đăng ký trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Mục 5. Nội dung của HSYC

5.1. HSYC gồm có các Phần 1, 2, 3 và cùng với tài liệu sửa đổi HSYC theo quy định tại Mục 7 CDNT (nếu có), trong đó cụ thể bao gồm các nội dung sau đây:

Phần thứ nhất. Thủ tục đấu thầu

Chương I. Yêu cầu về thủ tục chỉ định thầu

Chương II. Tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất

Chương III. Biểu mẫu dự thầu

Phần thứ hai. Yêu cầu về phạm vi cung cấp

Chương IV. Yêu cầu về phạm vi cung cấp

Phần thứ ba. Điều kiện hợp đồng và biểu mẫu hợp đồng

Chương V. Biểu mẫu hợp đồng

5.2. Thư mời thầu, thông báo mời thầu do Bên mời thầu phát hành hoặc cung cấp không phải là một phần của HSYC.

5.3. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSYC, tài liệu giải thích làm rõ HSYC, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) hay các tài liệu sửa đổi HSYC theo quy định tại Mục 7 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Bên mời thầu. Các tài liệu do nhà thầu nhận được nếu có mâu thuẫn về nội dung thì tài liệu do Bên mời thầu phát hành sẽ có ý nghĩa quyết định.

5.4. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu, yêu cầu về phạm vi cung cấp và các yêu cầu khác trong HSYC để chuẩn bị lập HSĐX bao gồm tất cả thông tin hay tài liệu theo yêu cầu của HSYC.

Mục 6. Làm rõ HSYC

6.1. Trong trường hợp cần làm rõ HSYC, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu hoặc đặt câu hỏi trong hội nghị tiền đấu thầu (nếu có). Khi Bên mời thầu nhận được đề nghị làm rõ HSYC của nhà thầu trước thời điểm đóng thầu tối thiểu một số ngày theo quy định tại **BDL**. Bên mời thầu sẽ gửi văn bản làm rõ HSYC cho nhà thầu có yêu cầu làm rõ HSYC và tất cả nhà thầu khác đã nhận HSYC từ Bên mời thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYC thì Bên mời thầu tiến hành sửa đổi HSYC theo thủ tục quy định tại Mục 7 CDNT.

6.2. Trong trường hợp cần thiết, Bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong HSYC mà các nhà thầu thấy chưa rõ. Nội dung trao đổi sẽ được Bên mời thầu ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ HSYC, gửi cho tất cả nhà thầu đã mua hoặc nhận HSYC từ Bên mời thầu. Trong trường hợp HSYC cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Bên mời thầu sẽ phát hành văn bản sửa đổi

HSYC như quy định tại Mục 7 CDNT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi HSYC. Việc không tham gia hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại nhà thầu.

Mục 7. Sửa đổi HSYC

7.1. Việc sửa đổi HSYC được thực hiện trước thời điểm đóng thầu thông qua việc phát hành văn bản sửa đổi HSYC.

7.2. Văn bản sửa đổi HSYC được coi là một phần của HSYC và phải được thông báo bằng văn bản tới tất cả các nhà thầu đã nhận HSYC từ Bên mời thầu.

7.3. Trường hợp chủ đầu tư sửa đổi HSYC, bên mời thầu có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà thầu. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC đến nhà thầu theo quy định tại **BDL**. Nhằm giúp nhà thầu có đủ thời gian hợp lý để sửa đổi HSĐX, Bên mời thầu có thể quyết định gia hạn thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 21.2 CDNT. Nhà thầu phải thông báo bằng văn bản cho Bên mời thầu là đã nhận được tài liệu sửa đổi đó bằng một trong các cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

Mục 8. Chi phí dự thầu

Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp HSĐX. Trong mọi trường hợp, Bên mời thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.

Mục 9. Khảo sát hiện trường

9.1. Trường hợp cần thiết, nhà thầu khảo sát hiện trường phục vụ cho việc lập HSĐX. Bên mời thầu sẽ tạo điều kiện, hướng dẫn nhà thầu đi khảo sát hiện trường. Chi phí khảo sát hiện trường để phục vụ cho việc lập HSĐX thuộc trách nhiệm của nhà thầu.

9.2. Bên mời thầu không chịu trách nhiệm pháp lý về những rủi ro đối với nhà thầu phát sinh từ việc khảo sát hiện trường như tai nạn, mất mát tài sản và các rủi ro khác.

Mục 10. Ngôn ngữ của HSĐX

HSĐX cũng như tất cả thư từ và tài liệu liên quan đến HSĐX được trao đổi giữa nhà thầu với Bên mời thầu được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSĐX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 11. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán

Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.

Mục 12. Thành phần của HSĐX

HSĐX phải bao gồm các thành phần sau:

12.1. Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 13 CDNT;

12.2. Thỏa thuận liên danh đối với trường hợp nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu;

12.3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu, của người ký đơn dự thầu theo quy định tại Mục 3 và Mục 19.3 CDNT;

12.4. Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 16 CDNT;

12.5. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu chứng minh sự đáp ứng về kỹ thuật của dịch vụ theo quy định tại Mục 15 CDNT;

12.7. Đề xuất về giá và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 13 và Mục 14 CDNT;

12.8. Các nội dung khác theo quy định tại **BDL**.

Mục 13. Đơn dự thầu và các bảng biểu

Nhà thầu phải lập đơn dự thầu và các bảng biểu tương ứng theo mẫu quy định tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu.

Mục 14. Giá dự thầu và giảm giá

14.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu ghi trong đơn dự thầu, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu quy định tại Phần thứ hai - Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

14.2. Nhà thầu phải nộp HSĐX cho toàn bộ công việc được mô tả trong Mục 1.1 CDNT và ghi đơn giá dự thầu, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong các cột "Danh mục dịch vụ", "Mô tả dịch vụ" tại Bảng tổng hợp giá dự thầu theo mẫu tương ứng quy định tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu.

Trường hợp tại cột "đơn giá dự thầu" và cột "thành tiền" có dịch vụ mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là "0" thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của dịch vụ này vào các dịch vụ khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm cung cấp dịch vụ theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

14.3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn dự thầu hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong cột "Danh mục dịch vụ". Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong cột "Danh mục dịch vụ". Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSĐX hoặc nộp riêng song phải bảo đảm Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp thư giảm giá nộp riêng thì thực hiện như quy định tại Mục 20.2 và Mục 20.3 CDNT. Thư giảm giá sẽ được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSĐX và được mở đồng thời cùng HSĐX của nhà thầu.

14.4. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm để thực hiện hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC, trường hợp nhà thầu có đơn giá bất thường, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ về cơ cấu đơn giá đó theo quy định tại Mục 26 CDNT. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSĐX của nhà thầu sẽ bị loại.

Mục 15. Tài liệu chứng minh sự đáp ứng về kỹ thuật

15.1. Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của HSYC, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của HSĐX để chứng minh rằng các dịch vụ mà mình cung cấp phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương V Phần thứ hai - Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

15.2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với chủ đầu tư rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương V - Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

Mục 16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

16.1. Nhà thầu phải ghi các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV - Biểu mẫu dự thầu để chứng minh năng lực và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX. Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Bên mời thầu.

16.2. Các tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu nếu được công nhận quy định tại **BDL**.

Mục 17. Thời hạn có hiệu lực của HSĐX

17.1. HSĐX phải có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại **BDL**.

HSĐX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSĐX, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSĐX, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian có hiệu lực của HSĐX sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSĐX thì HSĐX của nhà thầu không được xem xét tiếp và nhà thầu sẽ được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSĐX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.

Mục 18. Quy cách HSĐX và chữ ký trong HSĐX

18.1. Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và một số bản chụp theo số lượng quy định tại **BDL**.

Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSĐX thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và số lượng bản chụp hồ sơ theo số lượng quy định tại **BDL**. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ "BẢN GỐC HSĐX SỬA ĐỔI", "BẢN CHỤP HSĐX SỬA ĐỔI", "BẢN GỐC HSĐX THAY THẾ", "BẢN CHỤP HSĐX THAY THẾ".

18.2. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSĐX của nhà thầu bị loại.

18.3. Bản gốc của HSĐX phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSĐX, Bảng giá và các biểu mẫu khác tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có), trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh được chứng thực hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSĐX.

18.4. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSĐX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thỏa thuận liên danh. Để bảo đảm tất cả các thành viên của liên danh đều bị ràng buộc về pháp lý, văn bản thỏa thuận liên danh phải có chữ ký của các đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên trong liên danh.

18.5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.

Mục 19. Niêm phong và ghi bên ngoài HSĐX

19.1. Túi đựng HSĐX bao gồm bản gốc và các bản chụp HSĐX, bên ngoài phải ghi rõ "HỒ SƠ DỰ THẦU". Trường hợp nhà thầu có sửa đổi, thay thế HSĐX thì hồ sơ sửa đổi, thay thế (bao gồm bản gốc và các bản chụp) phải được đựng trong các túi riêng biệt với túi đựng HSĐX, bên ngoài phải ghi rõ "HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI", "HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ". Các túi đựng: HSĐX; HSĐX sửa đổi, HSĐX thay thế (nếu có) phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà thầu.

19.2. Trên các túi đựng hồ sơ phải:

a) Ghi tên và địa chỉ của nhà thầu;

b) Ghi tên người nhận là tên Bên mời thầu theo địa chỉ quy định tại Mục 21.1 CDNT;

c) Ghi tên gói thầu theo quy định tại Mục 1.1 CDNT;

d) Ghi dòng chữ cảnh báo "không được mở trước thời điểm mở thầu".

19.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSYC này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSĐX trong quá trình chuyển đến Bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSĐX theo hướng dẫn quy định tại Mục 20.1 và Mục 20.2 CDNT. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSĐX nếu nhà thầu không thực hiện đúng quy định nêu trên.

Mục 20. Thời điểm đóng thầu

20.1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSĐX đến địa chỉ của Bên mời thầu nhưng phải bảo đảm Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Địa chỉ Bên mời thầu và thời điểm đóng thầu được quy định tại **BDL**. Bên mời thầu tiếp nhận HSĐX của tất cả các nhà thầu nộp HSĐX trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà thầu tham dự thầu chưa mua hoặc chưa nhận HSYC từ Bên mời thầu. Trường hợp chưa mua HSYC thì nhà thầu phải trả cho Bên mời thầu một khoản tiền bằng giá bán HSYC trước khi HSĐX được tiếp nhận.

20.2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi HSYC theo quy định tại Mục 7 CDNT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Bên mời thầu và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.

Mục 21. HSĐX nộp muộn

Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ HSĐX nào được nộp sau thời điểm đóng thầu. Bất kỳ HSĐX nào mà Bên mời thầu nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ bị tuyên bố là HSĐX nộp muộn, bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

Mục 22. Rút, thay thế và sửa đổi HSĐX

22.1. Sau khi nộp HSĐX, nhà thầu có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút HSĐX bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu, trường hợp ủy quyền thì phải gửi kèm giấy ủy quyền theo quy định tại Mục 19.3 CDNT. Hồ sơ sửa đổi hoặc thay thế HSĐX phải được gửi kèm với văn bản thông báo việc sửa đổi, thay thế tương ứng và phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Được nhà thầu chuẩn bị và nộp cho Bên mời thầu theo quy định tại Mục 19 và Mục 20 CDNT, trên túi đựng văn bản thông báo phải ghi rõ "SỬA ĐỔI HSĐX" hoặc "THAY THẾ HSĐX" hoặc "RÚT HSĐX";

b) Được Bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 21 CDNT.

22.2. HSĐX mà nhà thầu yêu cầu rút lại theo quy định tại Mục 23.1 CDNT sẽ được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

22.3. Nhà thầu không được sửa đổi, thay thế hoặc rút HSĐX sau thời điểm đóng thầu cho đến khi hết hạn hiệu lực của HSĐX mà nhà thầu đã ghi trong đơn dự thầu hoặc đến khi hết hạn hiệu lực đã gia hạn của HSĐX.

Mục 23. Bảo mật

23.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSĐX và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSĐX của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai khi mở thầu.

23.2. Trừ trường hợp làm rõ HSĐX theo quy định tại Mục 26 CDNT và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSĐX của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.

Mục 24. Làm rõ HSĐX

24.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSĐX theo yêu cầu của Bên mời thầu. Tất cả các yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và phản hồi của nhà thầu phải được thực hiện bằng văn bản. Trường hợp HSĐX của nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSĐX của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSĐX đã nộp, không thay đổi giá dự

thầu. Nhà thầu phải thông báo cho Bên mời thầu về việc đã nhận được văn bản yêu cầu làm rõ HSĐX bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

24.2. Việc làm rõ HSĐX giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện thông qua văn bản.

24.3. Trường hợp sau khi đóng thầu, nhà thầu phát hiện HSĐX của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì được phép tự gửi tài liệu đến Bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Trong khoảng thời gian theo quy định tại **BDL**, Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSĐX. Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc đã nhận được các tài liệu làm rõ của nhà thầu bằng một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

24.4. Việc làm rõ HSĐX chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có HSĐX cần phải làm rõ. Nội dung làm rõ HSĐX được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSĐX. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không có văn bản làm rõ hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá HSĐX của nhà thầu theo HSĐX nộp trước thời điểm đóng thầu.

24.5. Trường hợp cần thiết, Bên mời thầu có thể gửi văn bản yêu cầu nhà thầu có khả năng trúng thầu đến làm việc trực tiếp với Bên mời thầu để làm rõ HSĐX. Nội dung làm rõ HSĐX phải được ghi cụ thể thành biên bản. Việc làm rõ HSĐX trong trường hợp này phải bảo đảm tính khách quan, minh bạch.

Mục 25. Xác định tính đáp ứng của HSĐX

25.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của HSĐX dựa trên nội dung của HSĐX theo quy định tại Mục 12 CDNT.

25.2. HSĐX đáp ứng cơ bản là HSĐX đáp ứng các yêu cầu nêu trong HSYC mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Trong đó, "sai khác" là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSYC; "đặt điều kiện" là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSYC; "bỏ sót nội dung" là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSYC. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong HSĐX mà:

a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSYC đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;

b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có HSĐX đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSYC.

25.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của HSĐX theo Mục 15 CDNT và việc kiểm tra đề xuất kỹ thuật nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần thứ hai đã được đáp ứng và HSĐX không có những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót các nội dung cơ bản.

25.4. Nếu HSĐX không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSYC thì HSĐX đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSĐX đó nhằm làm cho nó trở thành đáp ứng cơ bản HSYC.

Mục 26. Sai sót không nghiêm trọng

26.1. Với điều kiện HSĐX đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSYC thì Bên mời thầu có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong HSĐX.

26.2. Với điều kiện HSĐX đáp ứng cơ bản HSYC, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong một thời hạn hợp lý để sửa chữa những sai sót không nghiêm trọng trong HSĐX liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ khía cạnh nào của giá dự thầu; nếu không đáp ứng yêu cầu nói trên của Bên mời thầu thì HSĐX của nhà thầu có thể sẽ bị loại.

26.3. Với điều kiện HSĐX đáp ứng cơ bản HSYC, Bên mời thầu sẽ điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu. Theo đó, giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ hoàn toàn nhằm mục đích so sánh các HSĐX.

Mục 27. Đánh giá HSĐX

27.1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSĐX:

a) Việc kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSĐX được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX;

b) Nhà thầu có HSĐX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm.

27.2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

a) Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX;

b) Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật.

27.3. Đánh giá về kỹ thuật và đánh giá về giá:

a) Việc đánh giá về kỹ thuật được thực hiện theo tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá quy định tại Mục 3 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX;

b) Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được xem xét đánh giá tiếp về giá theo quy định tại Mục 4 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX.

27.4. Sau khi đánh giá về giá, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu theo quy định tại Mục 4 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX và trình Chủ đầu tư phê duyệt. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng.

Mục 28. Sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch

28.1. Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong HSĐX bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp HSYC có yêu cầu phải phân tích đơn giá chi tiết thì phải lấy số liệu trong bảng phân tích đơn giá dự thầu chi tiết làm cơ sở cho việc sửa lỗi số học. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi;

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Mục này;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: Sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của HSYC;

- Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi.

28.2. Hiệu chỉnh các sai lệch

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi công việc thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSĐX của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp trong HSĐX của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với nội dung này trong số các HSĐX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSĐX của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSĐX của nhà thầu này; trường hợp HSĐX của nhà thầu không có đơn giá thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu;

c) Trường hợp nhà thầu có HSĐX được hiệu chỉnh sai lệch xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng, khi thương thảo hợp đồng phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các HSĐX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để thương thảo đối với phần sai lệch thiếu.

Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định, bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết về việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch đối với HSĐX của nhà thầu. Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của bên mời thầu, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho bên mời thầu về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của bên mời thầu. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận với kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của bên mời thầu thì HSĐX của nhà thầu đó sẽ bị loại.

Mục 29. Thương thảo hợp đồng

29.1. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:

a) Báo cáo đánh giá HSĐX;

b) HSĐX và các tài liệu làm rõ HSĐX (nếu có) của nhà thầu;

c) HSYC.

29.2. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của HSYC;

b) Việc thương thảo hợp đồng không được làm thay đổi đơn giá dự thầu của nhà thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong HSĐX của nhà thầu không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá dự thầu thấp nhất trong số các HSĐX của nhà thầu khác đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt nếu chỉ có duy nhất nhà thầu này vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở thương thảo đối với sai lệch thiếu đó.

29.3. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSYC và HSĐX, giữa các nội dung khác nhau trong HSĐX có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong HSĐX (nếu có);

c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

đ) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

29.4. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, bảng giá, tiến độ cung cấp.

29.5. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 35.1 CDNT.

Mục 30. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

30.1. Có HSĐX hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX;

30.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX;

30.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX;

30.4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;

30.5. Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất (trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất) hoặc nhà thầu có giá đánh giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất (trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá).

30.6. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.

Mục 31. Hủy thầu

31.1. Bên mời thầu sẽ thông báo hủy thầu trong trường hợp sau đây:

a) Tất cả HSĐX không đáp ứng được các yêu cầu nêu trong HSYC;

b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi đầu tư đã ghi trong HSYC;

c) HSYC không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu, dự án;

d) Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.

31.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu (theo quy định tại điểm c và điểm d Mục 31.1 CDNT) phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

31.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 31.1 CDNT, trong thời hạn 5 ngày làm việc Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho các nhà thầu dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d Mục 35.1 CDNT.

Mục 32. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

32.1. Trong thời hạn quy định tại **BDL**, Bên mời thầu phải gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện, fax và đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc Báo Đấu thầu theo quy định. Trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên gói thầu, số hiệu gói thầu;

b) Tên nhà thầu trúng thầu;

c) Địa chỉ giao dịch hiện tại của nhà thầu trúng thầu;

d) Giá trúng thầu;

đ) Loại hợp đồng;

e) Thời gian thực hiện hợp đồng;

g) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.

32.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 35.1 CDNT, trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ lý do hủy thầu.

32.3. Sau khi thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Mục 36.1. CDNT, nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa là 05 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu Bên mời thầu phải có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 33. Thông báo chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng

Đồng thời với văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 19 Chương VIII - Biểu mẫu hợp đồng cho nhà thầu trúng thầu với điều kiện nhà thầu đã được xác minh là đủ năng lực để thực hiện tốt hợp đồng. Thông báo chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại.

Mục 34. Điều kiện ký kết hợp đồng

34.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSĐX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

34.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSYC thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Khi đó, Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

34.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 35. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu

Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà thầu có quyền gửi đơn kiến nghị về các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu đến Chủ đầu tư, Người có thẩm quyền, Hội đồng tư vấn theo địa chỉ quy định tại **BDL**. Việc giải quyết kiến nghị trong đấu thầu được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương XII Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

Mục 36. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu

Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo quy định tại **BDL**.

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẤU THẦU

CDNT 1.1	Tên Bên mời thầu là: Công ty TNHH MTV XNK Nông Lâm Hải sản
CDNT 1.2	Thời gian thực hiện hợp đồng là: 12 tháng, được tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.
CDNT2	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn): vốn chủ sở hữu.
CDNT 6.1	Thời gian nhà thầu gửi văn bản làm rõ HSYC là: *03 ngày làm việc.* *Trường hợp thời gian gửi văn bản sửa đổi không đáp ứng quy định này, bên mời thầu thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng bảo đảm quy định về thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC.*
CDNT 7.3	Tài liệu sửa đổi HSYC sẽ được Bên mời thầu gửi đến tất cả các nhà thầu đã nhận HSYC từ Bên mời thầu trước ngày có thời điểm đóng thầu tối thiểu 03 ngày. *Trường hợp thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC không đáp ứng theo quy định thì Bên mời thầu thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng.*
CDNT 12.8	Nhà thầu phải nộp cùng với HSĐX các tài liệu sau đây: không yêu cầu.
CDNT 16.2	Các tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng nếu được công nhận trúng thầu bao gồm: không yêu cầu.
CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của HSĐX là: ≥30 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 19.1	Số lượng bản chụp HSĐX là: 01 bản.
CDNT 21.1	Địa chỉ của Bên mời thầu (sử dụng để nộp HSĐX): *Nơi nhận: Công ty TNHH MTV XNK Nông Lâm Hải sản.* *- Số nhà: 356/21* *- Quận: Bình Thạnh* *- Tên đường: Bạch Đằng* *- Thành phố: Hồ Chí Minh* *- Phường: 14* Thời điểm đóng thầu là: 09 giờ 30 phút, ngày 16 tháng 12 năm 2021.
CDNT 26.3	Nhà thầu được tự gửi tài liệu để làm rõ HSĐX đến Bên mời thầu trong vòng: 03 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 36.1	Thời hạn gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu là 05 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.
CDNT 37	Tỷ lệ tăng hoặc giảm khối lượng tối đa là: *không áp dụng.*
CDNT 41	- Địa chỉ của Chủ đầu tư: *Công ty TNHH MTV XNK Nông Lâm Hải sản – 356/21 Bạch Đằng, P.14, Q. Bình Thạnh, TP. HCM;* - Địa chỉ của Người có thẩm quyền: *Công ty TNHH MTV XNK Nông Lâm Hải sản – 356/21 Bạch Đằng, P.14, Q. Bình Thạnh, TP. HCM;* - Địa chỉ của bộ phận thường trực giúp việc Hội đồng tư vấn: *Công ty TNHH MTV XNK Nông Lâm Hải sản – 356/21 Bạch Đằng, P.14, Q. Bình Thạnh, TP. HCM.*

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

1.1. Kiểm tra HSĐX:

a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSĐX;

b) Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSĐX, bao gồm hồ sơ về hành chính, pháp lý, hồ sơ về năng lực và kinh nghiệm, đề xuất về kỹ thuật của nhà thầu theo yêu cầu của HSYC, trong đó có: đơn dự thầu, giấy ủy quyền ký đơn dự thầu (nếu có); tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm; đề xuất về kỹ thuật; đề xuất về giá và các thành phần khác thuộc HSĐX theo quy định tại Mục 12 CDNT;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSĐX.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSĐX:

HSĐX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSĐX;

b) Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh;

c) Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật đồng thời đáp ứng thời gian theo yêu cầu của HSYC;

d) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu;

đ) Thời hạn hiệu lực của HSĐX đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 17.1 CDNT;

e) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSĐX với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) đối với cùng một gói thầu;

g) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 4 CDNT.

Nhà thầu có HSĐX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm. Nhà thầu có HSĐX không hợp lệ thì sẽ bị loại và không được xem xét đánh giá các nội dung tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Mục này. Nhà thầu không đạt yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm thì HSĐX sẽ bị loại và không được xem xét đánh giá các nội dung tiếp theo.

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo Bảng tiêu chuẩn dưới đây:

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp
				Nhà thầu liên danh			
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
1	**Lịch sử không hoàn thành hợp đồng**	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08
2	**Năng lực tài chính**						
2.1	**Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động cung cấp**	Doanh thu bình quân hàng năm tối thiểu là _____[3]VND, tính từ ngày 01 tháng 01 năm ___ trong vòng _____[4] năm trở lại đây. Doanh thu hàng năm được tính bằng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Mẫu số 10

	dịch vụ (*)	tổng các khoản thanh toán cho các hợp đồng cung cấp dịch vụ mà nhà thầu nhận được trong năm đó.					
2.2	**Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu** (*)	Nhà thầu phải chứng minh có các tài sản có khả năng thanh khoản cao[5] hoặc có khả năng tiếp cận với tài sản có khả năng thanh khoản cao sẵn có, các khoản tín dụng hoặc các nguồn tài chính khác (không kể các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu về cầu nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là ___[6]VND.	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Các Mẫu số 11, 12
3	**Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự**	Số lượng tối thiểu các hợp đồng tương tự[7] mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn[8] với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ[9] trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm ___ đến thời điểm đóng thầu: (i) số lượng hợp đồng là N, mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu là V (N x V = X) hoặc (ii) số lượng hợp đồng khác N, ít nhất có 01 hợp đồng có giá trị tối thiểu là V và tổng giá trị tất cả các hợp đồng ≥ X.	Không áp dụng	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương ứng với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	Mẫu số 13

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để đánh giá về kỹ thuật.

Nội dung đánh giá			**Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt**
1	Có sơ đồ quan hệ để thực hiện bảo hiểm giữa các bên có liên quan	Có sơ đồ quan hệ để thực hiện bảo hiểm giữa các bên liên quan (kèm theo thuyết minh chi tiết)	Đạt
		Không sơ đồ quan hệ để thực hiện bảo hiểm giữa các bên liên quan hoặc có nhưng sơ sài không chi tiết.	Không đạt
2	Đối tượng được tham gia bảo hiểm	Đáp ứng theo yêu cầu mô tả trong Chương V - Tiêu chí kỹ thuật	Đạt
		Không đáp ứng đủ Đáp ứng theo yêu cầu mô tả trong Chương V - Tiêu chí kỹ thuật	Không đạt
3	Giới hạn bồi thường và mức bồi thường của gói bảo hiểm.	Đáp ứng theo yêu cầu mô tả trong Chương V - Tiêu chí kỹ thuật	Đạt
		Không Đáp ứng theo yêu cầu mô tả trong Chương V - Tiêu chí kỹ thuật	Không đạt
4	Thời gian chờ	Đáp ứng theo yêu cầu mô tả trong Chương V - Tiêu chí kỹ thuật	Đạt
		Không Đáp ứng theo yêu cầu mô tả trong Chương V - Tiêu chí kỹ thuật	Không đạt
5	Bảo lãnh viện phí và thời gian xử lý yêu cầu bảo lãnh, giải quyết hồ sơ yêu cầu bồi thường	Đáp ứng theo yêu cầu mô tả trong Chương V - Tiêu chí kỹ thuật	Đạt
		Không Đáp ứng theo yêu cầu mô tả trong Chương V - Tiêu chí kỹ thuật	Không đạt
6	Tính hợp lý, rõ ràng của thông tin liên quan đến điều khoản ràng buộc, loại trừ	Có hướng dẫn chi tiết, thông tin cụ thể liên quan đến điều khoản ràng buộc, loại trừ	Đạt
		Không có hướng dẫn chi tiết, thông tin cụ thể liên quan đến điều khoản ràng buộc, loại trừ	Không đạt
Nhà thầu đáp ứng tất cả các mục trên thì được đánh giá là Đạt, nếu 01 mục trong các mục trên được đánh giá là không đạt thì nhà thầu được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và không được đánh giá bước tiếp theo.			

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt, không đạt:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

HSĐX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt. HSĐX không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật thì sẽ bị loại và không được xem xét đánh giá về giá.

Ví dụ về tiêu chuẩn đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt nêu tại Phụ lục kèm theo.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về giá

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong hai phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất như sau:

1. Xác định giá dự thầu;

2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

5. Xếp hạng nhà thầu:

HSĐX có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Chương IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU

STT	Nội dung	Áp dụng Mẫu	Ghi chú
1	Đơn dự thầu	Mẫu số 1	Áp dụng trong trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá trong thư giảm giá
2	Giấy ủy quyền	Mẫu số 2	Chỉ áp dụng trong trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu có ủy quyền trong đấu thầu
3	Bảng tổng hợp giá dự thầu	Mẫu số 5	Áp dụng đối với hợp đồng trọn gói
4	Bản kê khai thông tin về nhà thầu	Mẫu số 6	
5	Danh sách các công ty đảm nhận phần công việc của gói thầu	Mẫu số 7	Chỉ áp dụng trong trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ
6	Hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ	Mẫu số 8	
7	Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện	Mẫu số 13	

Mẫu số 01 (a)

ĐƠN DỰ THẦU[1]

Ngày: *[ghi ngày tháng năm ký đơn dự thầu]*

Tên gói thầu: Cung cấp dịch vụ bảo hiểm sức khoẻ năm 2022

Tên dự án: Cung cấp dịch vụ bảo hiểm sức khoẻ năm 2022

Thư mời thầu số: /TB-AGR-HC ngày / /2021

Kính gửi: Công ty TNHH MTV XNK Nông Lâm Hải sản

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ___*[ghi tên nhà thầu]*, cam kết thực hiện gói thầu Cung cấp dịch vụ bảo hiểm sức khoẻ năm 2022 theo đúng yêu cầu nêu trong hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là …….. đồng/ người cùng với Bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ dự thầu này với tư cách là nhà thầu chính.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực.

Nếu hồ sơ dự thầu của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 40 CDNT của hồ sơ yêu cầu.

Hồ sơ dự thầu này có hiệu lực trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2022.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu [6]
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý, đơn dự thầu phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của HSĐX, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

(2) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong Bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật nêu trong HSĐX.

(4) Thời gian có hiệu lực của HSĐX được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSYC. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 01 ngày.

(5) Ghi ngày đóng thầu theo quy định tại Mục 22.1 CDNT.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình Chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm hành vi bị cấm trong đấu thầu quy định tại Mục 3 CDNT.

Mẫu số 02

GIẤY ỦY QUYỀN[1]

Hôm nay, ngày___tháng___năm_____, tại _____

Tôi là ___*[ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]*, là người đại diện theo pháp luật của _____ *[ghi tên nhà thầu]* có địa chỉ tại _____*[ghi địa chỉ của nhà thầu]* bằng văn bản này ủy quyền cho ___*[ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu Cung cấp dịch vụ bảo hiểm sức khoẻ năm 2022 thuộc dự án Cung cấp dịch vụ bảo hiểm sức khoẻ năm 2022 do Công ty TNHH MTV XNK Nông Lâm Hải sản tổ chức:

[-Ký đơn dự thầu;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ yêu cầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự thầu hoặc văn bản đề nghị rút hồ sơ dự thầu, sửa đổi, thay thế hồ sơ dự thầu;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn.][2]

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ___*[ghi tên nhà thầu]*. ___*[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ___*[ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ___đến ngày ___[3]. Giấy ủy quyền này được lập thành ___bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ___bản, người được ủy quyền giữ ___bản, Bên mời thầu giữ ___bản.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]	*[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu cùng với đơn dự thầu theo quy định tại Mục 19.3 CDNT. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

Mẫu số 05

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

(áp dụng đối với hợp đồng theo đơn giá cố định)

Bên mời thầu sẽ đưa ra danh sách các hạng mục công việc của gói thầu trong cột "Mô tả công việc mời thầu" tại Bảng tổng hợp giá dự thầu và các công việc cụ thể của từng hạng mục tương ứng cùng với đơn vị tính, khối lượng mời thầu phù hợp với mô tả công việc và các yêu cầu quy định tại Chương IV – Yêu cầu cung cấp để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

Mỗi hạng mục sẽ được mô tả chi tiết để hướng dẫn rõ ràng cho nhà thầu, bao gồm: loại công việc, phạm vi công việc, mức độ phức tạp, tiêu chuẩn yêu cầu.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có). Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

Hạng mục số	Mô tả công việc mời thầu (1)	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật(2)	Đơn giá cố định dự thầu (đồng/ người) (3)	Khối lượng mời thầu (người)
1	Cung cấp dịch vụ bảo hiểm sức khoẻ năm 2022		A	B
Giá dự thầu (A x B)				

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Bên mời thầu ghi tên các hạng mục để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

(2) Bên mời thầu ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương IV – Yêu cầu về xây lắp của HSYC hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên Mục, số trang, số quyển...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(3) Nhà thầu ghi số tiền được kết chuyển từ Bảng chi tiết giá dự thầu của từng hạng mục công việc tương ứng trong cột "Mô tả công việc mời thầu".

Nhà thầu phải tính toán và phân bổ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí cho yếu tố trượt giá của gói thầu vào trong giá dự thầu.

Mẫu số 06

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU

Ngày: _____

Số hiệu và tên gói thầu: _____

Tên nhà thầu: *[ghi tên nhà thầu]*
Trong trường hợp liên danh, ghi tên của từng thành viên trong liên danh
Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: *[ghi tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]*
Năm thành lập công ty:
Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu *[tại nơi đăng ký]:*
Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà thầu Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp. 2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu.

Mẫu số 07

DANH SÁCH CÁC CÔNG TY ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU[1]

STT	Tên công ty con, công ty thành viên[2]	Công việc đảm nhận trong gói thầu[3]	Giá trị % so với giá dự thầu(4)	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
5				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên. Việc đánh giá kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu và đã được kê khai trong HSĐX. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

Mẫu số 08

HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH TRONG QUÁ KHỨ[1]

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ theo Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX

□ Không có hợp đồng nào đã ký nhưng không thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm ___*[ghi năm]* theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX.

□ Có hợp đồng đã ký nhưng không hoàn thành tính từ ngày 01 tháng 01 năm ___*[ghi năm]* theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX.

Năm	**Phần việc hợp đồng không hoàn thành**	**Mô tả hợp đồng**	**Tổng giá trị hợp đồng (giá trị hiện tại, đơn vị tiền tệ, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)**
		Mô tả hợp đồng: Tên Chủ đầu tư: Địa chỉ: Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng:	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ; nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà thầu nào có hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là hành vi "gian lận" và HSĐX sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

Mẫu số 13

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN[1]

___, ngày ___tháng ___năm ___

Tên nhà thầu:___*[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	*[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]*		
Ngày ký hợp đồng	*[ghi ngày, tháng, năm]*		
Ngày hoàn thành	*[ghi ngày, tháng, năm]*		
Giá hợp đồng	*[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]*		Tương đương___VND
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm	*[ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]*	*[ghi số tiền và đồng tiền đã ký]*	Tương đương___VND
Tên dự án:	*[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]*		
Tên Chủ đầu tư:	*[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]*		
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	*[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]* *[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]*		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX[2].			
1. Loại dịch vụ	*[ghi thông tin phù hợp]*		
2. Về quy mô thực hiện	*[ghi quy mô theo hợp đồng]*		
3. Các đặc tính khác	*[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]*		

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên bằng tài liệu chứng minh bao gồm: hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, quyết toán hợp đồng...).

Ghi chú:

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

Phần thứ hai. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

Chương V. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi cung cấp

Stt	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Bảo hiểm sức khỏe năm 2022	Thực hiện bảo hiểm cho nhân viên Công ty TNHH MTV XNK Nông Lâm Hải sản năm 2022 theo quy định của Hồ sơ yêu cầu	Người/12 tháng	106	

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật

I. ***Giới thiệu mục tiêu, quy mô:***

Tên dự toán: Cung cấp dịch vụ bảo hiểm sức khỏe năm 2022.

Tên gói thầu: Cung cấp dịch vụ bảo hiểm sức khỏe năm 2022.

Nguồn vốn thực hiện: Nguồn vốn chủ sở hữu.

Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chỉ định thầu theo quy trình thông thường.

Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng.

Quy mô thực hiện: Bảo hiểm cho nhân viên Công ty năm 2022, dự kiến 106 người. Đảm bảo điều kiện thăm khám, chi trả bảo hiểm sức khoẻ cho nhân viên toàn Công ty.

II. ***Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật và dịch vụ bảo hiểm***

- Loại hình bảo hiểm chính của gói thầu bao gồm:

+ Đối tượng được bảo hiểm: Nhân viên đang làm việc tại Công ty;

+ Bảo hiểm cho các Quyền lợi được liệt kê dưới đây gây ra bởi các nguyên nhân không bị loại trừ theo điều kiện, điều khoản của đơn bảo hiểm, các sửa đổi bổ sung và/hoặc các thỏa thuận khác đính kèm theo đơn;

+ Chi phí y tế điều trị nội trú, ngoại trú do tai nạn, ốm đau, bệnh tật, thai sản (Chi tiết theo bảng quyền lợi dưới đây):

Các điều kiện bảo hiểm chính	Số tiền bảo hiểm
A. Chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn do ốm đau bệnh tật tai nạn	40.000.000 đồng
Chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn	100% STBH
Thương tật bộ phận vĩnh viễn do ốm đau bệnh tật và thai sản	Theo tỉ lệ thương tật/ tàn tật vĩnh viễn

B. Điều trị nội trú	40.000.000 đồng
a. Nằm viện Tiền phòng, phòng cấp cứu, chi phí bệnh viện tổng hợp gồm xét nghiệm, chụp hình (CT, MRI,…). Thuốc, quần áo, ô xy, huyết thanh... và các chi phí hợp lý khác.	2.000.000 đồng/ngày
b. Phẫu thuật	40.000.000 đồng/năm
c. Cấy ghép cơ quan cơ thể (bao gồm cả phẫu thuật trong ngày, tiểu phẫu)	40.000.000 đồng/năm
d. Phẫu thuật trong ngày (thủ thuật và tiểu phẫu)	9.000.000 đồng/năm
e. Trợ cấp mai táng (tử vong trong khi nằm viện/ phẫu thuật); điều trị trước khi nhập viện; điều trị sau khi xuất viện; y tá chăm sóc tại nhà.	2.000.000 đồng/năm
f. Thai sản	
- Sinh thường	4.500.000 đồng
- Sinh mổ	9.000.000 đồng
C. Điều trị ngoại trú	
a. Chi phí khám bác sĩ/ chuyên khoa; chi phí thuốc (theo chỉ định)	1.000.000 đồng/ lần khám
b. Vật lý trị liệu	100.000 đồng/ ngày
c. Điều trị răng: - Kham, chẩn đoán bệnh; - Chụp X-quang; - Điều trị viêm nướu (lợi); - Trám răng bằng chất liệu thông thường như amalgam, composite, fuji...; - Điều trị tuỷ răng; - Cạo vôi răng (lấy cao răng); - Nhổ răng bệnh lý.	700.000/năm

1. Thời gian chờ: không áp dụng thời gian chờ đối với mọi trường hợp yêu cầu bảo hiểm

2. Thời gian giải quyết bồi thường đối với các hồ sơ yêu cầu bồi thường nếu người tham gia bảo hiểm không sử dụng dịch vụ bảo lãnh (cả nội trú và ngoại trú): trong vòng 10 ngày làm việc (số tiền yêu cầu bồi thường ≤ 5.000.000 đồng), trong vòng 20 ngày làm việc (số tiền yêu cầu bồi thường từ 5.000.000 đồng ≤ 15.000.000 đồng), trong vòng 25 ngày làm việc (số tiền yêu cầu bồi thường trên 15.000.000 đồng) kể từ ngày đơn vị bảo hiểm nhận đầy đủ hồ sơ chứng từ hợp lệ.

3. Có quy trình hướng dẫn thực hiện bảo lãnh đầy đủ rõ ràng.

4. Thời gian bảo hiểm: 12 tháng kể từ ngày 01/01/2022

Phần thứ ba. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

Mẫu số 20. Hợp đồng

Mẫu số 20

HỢP ĐỒNG[1]

___, ngày ___tháng ___năm _____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____*[ghi tên gói thầu]*

Thuộc dự án: _____*[ghi tên dự án]*

- Căn cứ[2] ___*(Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội);*

- Căn cứ[2] ___*(Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 của Quốc hội);*

- Căn cứ [2] ___*(Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu);*

- Căn cứ Quyết định số ___ngày ___tháng ___năm ____của ___về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____*[ghi tên gói thầu]* và thông báo chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng số ___ngày ___tháng ___năm_____ của Bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và Nhà thầu trúng thầu ký ngày ___tháng ___năm ___;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư *[ghi tên Chủ đầu tư]*: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số _____ngày _____tháng _____năm _____ *(trường hợp được ủy quyền).*

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên Nhà thầu: _____*[ghi tên Nhà thầu trúng thầu]:*

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ___ngày ___tháng ___năm ___ *(trường hợp được ủy quyền).*

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với các nội dung sau:

_____

[1] *Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với* ***ĐKCT.***

[2] *Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.*

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;

2. Thư chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng;

3. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

5. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;

6. Điều kiện chung của hợp đồng;

7. Hồ sơ dự thầu và các văn bản làm rõ hồ sơ dự thầu của Nhà thầu trúng thầu (nếu có);

8. Hồ sơ yêu cầu và các tài liệu sửa đổi hồ sơ yêu cầu (nếu có);

9. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định trong điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại dịch vụ như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: ___*[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].*

2. Phương thức thanh toán: ___*[ghi phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 16.1 ĐKCT].*

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: *[ghi loại hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 12 ĐKC]*

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: ___*[ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 10 ĐKC, HSĐX và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].*

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ___*[ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].*

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành ___bộ, Chủ đầu tư giữ ___bộ, Nhà thầu giữ ___bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU *[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ** *[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*